



ISSN 1859 - 2171

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
THAI NGUYEN UNIVERSITY

TẠP CHÍ

# KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

**SỐ ĐẶC BIỆT CHÀO MỪNG 10 NĂM THÀNH LẬP  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC (2002-2012)**



Tập 96, số 8, 2012



SỐ ĐẶC BIỆT CHÀO MỪNG 10 NĂM THÀNH LẬP  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC (2002 - 2012)

Mục lục	Trang
Nông Quốc Chinh – Trường Đại học Khoa học – 10 năm nhìn lại và hướng tới	3
Nguyễn Đức Lạng - Một số phương pháp lập cho ánh xạ giả co trong không gian Banach	13
Nguyễn Thanh Mai – Weak and strong convergence for nonexpansive nonself-mapping	27
Phạm Thị Minh Thu, Đào Thị Thúy Quỳnh – Gán nhãn từ loại tiếng Việt sử dụng Mô hình Markov ẩn	39
Nguyễn Xuân Ca, Nguyễn Trung Kiên, Vũ Thị Kim Liên, Nguyễn Xuân Nghĩa - Chế tạo và đặc trưng của cấu trúc nano lõi /vỏ loại - ii Cds /ZnSe	45
Nguyễn Văn Đăng, Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Văn Khiển, Tô Mạnh Kiên, Nguyễn Khắc Hùng - Tính chất từ dị thường của multiferroics BaTiO <sub>3</sub> pha tạp Fe	49
Nguyễn Văn Hào và Hà Thị Thùy – Laser rắn Nd: YVO <sub>4</sub> biến điệu độ phẩm chất thụ động phát xung ngắn nano-giây với tần số lặp lại cao	55
Phạm Minh Tân, Trần Thu Trang, Trần Thanh Thủy, Nghiêm Thị Hà Liên, Vũ Thị Thùy Dương, Tống Kim Thuần, Trần Hồng Nhung – Chế tạo, nghiên cứu tính chất quang của hạt nano ormosil chứa tâm màu có các nhóm chức năng và ứng dụng đánh dấu sinh học	59
Phạm Thế Chính, Phạm Thị Thắm, Nguyễn Hồng Phong – Nghiên cứu các hợp chất có hoạt tính sinh học trong lá trầu (Piper Betle L.)	69
Phạm Thị Thu Hà, Phạm Luận – Tối ưu hóa quy trình xử lý mẫu thảo dược để xác định một số kim loại nặng bằng phương pháp xử lý ướt trong hệ lò vi sóng	75
Nguyễn Thị Ngọc Linh, Trịnh Ngọc Hoàng, Nguyễn Thị Hồng Hoa – Tổng hợp và khảo sát hoạt tính kháng khuẩn, kháng nấm của vật liệu xúc tác quang TiO <sub>2</sub> Anatas	81
Bùi Minh Quý, Vũ Thị Thái Hà, Vũ Quang Tùng, Nguyễn Như Lâm, Đào Việt Hùng - Nghiên cứu khả năng hấp phụ Cd(II) của composit polyanilin – vô lạp	85
Trương Thị Thảo, Hoàng Thu Trà - Ước chế ăn mòn thép ct38 trong dung dịch HCl 1m bằng caffein và hệ hỗn hợp caffein - Ki	91
Nguyễn Thị Thu Thúy, Nguyễn Xuân Chiến – Nghiên cứu xác định đồng thời một số thuốc kháng sinh họ $\beta$ – lactam bằng kỹ thuật đo quang kết hợp với mạng neuron nhân tạo	97
Vì Thị Đoan Chính, Đỗ Thị Tuyền, Lương Thị Hương Giang - Khảo sát khả năng hòa tan trong dung môi của chất kháng sinh từ chủng xạ khuẩn HT19.1	103
Nguyễn Thị Thuận, Lê Thị Thanh Hương - Những cây thuốc được sử dụng thay thế mật gấu theo kinh nghiệm dân tộc Dao huyện Đông Hồ, tỉnh Thái Nguyên	109
Trịnh Đình Khá, Quyền Đình Thi, Nghiêm Ngọc Minh - Nhân dòng và phân tích trình tự gene 28S rRNA của chủng nấm đảm sinh tổng hợp cellulase	115
Vũ Thị Lan, Mai Thị Phương Nga, Phạm Bích Ngọc, Chu Hoàng Hà, Lê Trần Bình - Nghiên cứu chuyển gen vào một số giống khoai lang Việt Nam ( <i>Ipomea batatas</i> L.) thông qua vi khuẩn <i>Agrobacterium tumefaciens</i>	119
Vũ Thanh Sắc, Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Thu Huyền - Nhân nhanh <i>in vitro</i> cây hoắc hương ( <i>Pogostemon cablin</i> (Blanco) Benth. qua giai đoạn mô sẹo	125
Nguyễn Vũ Thanh Thanh, Lương Thị Thanh Nga, Lê Thị Hồng Trang, Hồ Mạnh Tường, Lê Văn Sơn, Chu Hoàng Mậu - Nghiên cứu quan hệ di truyền của một số giống ngô ( <i>Zea mays</i> L.) có khả năng chịu hạn khác nhau	131
Hoàng Thị Thu Yến, Nguyễn Văn Tuấn, Hoàng Thị Nga - Nghiên cứu đa dạng di truyền genome một số dòng chè ( <i>Camellia sinensis</i> ) trồng tại xã Tân Cương – Thành phố Thái Nguyên bằng kỹ thuật RAPD	139
Hoàng Thị Thu Yến, Kim Thị Phương Oanh, Nông Văn Hải - Tạo dòng và xác định trình tự đoạn gen mã hóa protein RHO liên quan đến cơ chế thực bào ở tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> )	145



<b>Lương Thị Thanh Dung</b> - Thiên tông bản hạnh – vấn đề sửa chữa nhuận sắc từ Hán Việt giữa bản in năm 1745 và bản in năm 1932	151
<b>Vũ Thị Hạnh</b> - Cấp độ liên kết và trần thuật trong tiểu thuyết của Thuận	155
<b>Cao Hồng</b> - Hồ Xuân Hương cợt tình vào đá – Cộng hưởng của sự thăng hoa trong sáng tạo nghệ thuật	163
<b>Phạm Thị Vân Huyền</b> - Quan niệm nghệ thuật về con người của Rabindranath Tagore trong thơ trữ tình – tình yêu (Khảo sát qua tập <i>Tâm tình hiến dâng</i> )	169
<b>Dương Thùy Linh</b> - Phong tục cưới hỏi của người Sán Dìu ở huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên và những vấn đề đặt ra hiện nay	175
<b>Nguyễn Thị Suối Linh</b> - Rượu quê – từ góc nhìn văn hóa làng xã	181
<b>Nguyễn Thị Trà My</b> - Khả năng tổ hợp và cơ cấu nghĩa của từ “bụng, dạ” trong tiếng Việt	187
<b>Phạm Thị Phương Thái</b> – Nguyễn Trãi – Bạc vĩ nhân hoàn chính	195
<b>Nguyễn Kiến Thọ</b> - Thơ ca HMông và những mạch nguồn cảm hứng	199
<b>Nguyễn Thị Hồng Trâm</b> - Nhận thức và thái độ của lao động nữ nông thôn về ảnh hưởng của sử dụng thuốc trừ sâu đến môi trường và sức khỏe bản thân (Nghiên cứu trường hợp xã Thịnh Đức – TP Thái Nguyên)	205
<b>Lương Thị Hạnh, Mai Thị Hồng Vĩnh, Nguyễn Văn Tiến</b> - Một số quan niệm liên quan đến tang ma của người Tày Bắc Kạn	211
<b>Đỗ Hằng Nga, Dương Văn Hợp</b> - “Kẻ sĩ” trong kết cấu cư dân làng xã truyền thống qua tư liệu hương ước huyện Phổ Yên (Thái Nguyên)	219
<b>Nguyễn Minh Tuấn, Đoàn Thị Yến, Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Thị Thu Trang</b> - Bàn thêm về vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh với vấn đề phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	225
<b>Mai Thị Lan Anh, S.Joseph, Nguyễn Văn Hiền, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Công Vinh, Ngô Thị Hoan, Phạm Thị Anh</b> - Đánh giá chất lượng than sinh học sản xuất từ một số loại vật liệu hữu cơ phổ biến ở miền Bắc Việt Nam	231
<b>Ngô Văn Giới, Ninh Văn Quý, Trần Thị Ngọc Hà</b> - Biến động hàm lượng một số chất dinh dưỡng trong đất nông nghiệp tại khu tái định cư Mường Bú huyện Mường La tỉnh Sơn La	237
<b>Chu Thành Huy, Hoàng Bích Ngọc, Nguyễn Thị Bích Liên, Trần Hoàng Tâm</b> - Ứng dụng công nghệ GIS xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên du lịch khu vực di sản thế giới Vịnh Hạ Long phục vụ nghiên cứu, phát triển du lịch cộng đồng	243
<b>Đỗ Thị Vân Hương, Kiều Quốc Lập, Nguyễn Đăng Tiến, Đỗ Thị Vân Giang</b> - Nghiên cứu đặc điểm và phân vùng tài nguyên khí hậu nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn	249
<b>Phạm Thị Hồng Nhung, Nguyễn Thị Bích Hạnh, Dương Kim Giao</b> - Đánh giá tiềm năng và hiện trạng nhằm đề xuất định hướng phát triển du lịch bền vững huyện đảo Vân Đồn - tỉnh Quảng Ninh	255
<b>Văn Hữu Tập, Mai Thị Lan Anh, Chu Thị Hồng Huyền</b> - Kết hợp keo tụ và fenton xử lý các thành phần hữu cơ trong nước rỉ rác bãi chôn lấp chất thải rắn	261
<b>Nguyễn Thị Nhâm Tuất, Đinh Thị Như, Nguyễn Thu Huyền</b> - Hiện trạng và giải pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí tại công ty xi măng Bút Sơn, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	267
<b>Nguyễn Thị Tuyết, Nguyễn Văn Chung, Bùi Thanh Hà, Đàm Quang Luân, Phạm Thanh Bình, Hoàng Thị Hoa</b> - Dư lượng Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ), kim loại nặng Asen (As), Chl (Pb) và Cadimi (Cd) trong rau cải ngồng trồng tại khu vực xóm Đông, xã Đồng Bầm, thành phố Thái Nguyên	273
<b>Cao Thị Phương Nhung</b> – Gia đình với giáo dục nhân cách cho thế hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay	279
<b>Nguyễn Thu Hằng, Lưu Thái Bình</b> – Một số ý kiến nhằm hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính tại trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên	285
<b>Vũ Thị Vân</b> – Bước đầu đánh giá vai trò của kiểm duyệt văn bản thông qua việc khảo sát một số lỗi trong văn bản hành chính	291



## QUAN NIỆM NGHỆ THUẬT VỀ CON NGƯỜI CỦA RABINDRANATH TAGORE TRONG THƠ TRỮ TÌNH - TÌNH YÊU (Khảo sát qua tập *Tâm tình hiến dâng*)

Phạm Thị Vân Huyền\*

Trường Đại học Khoa học - ĐH Thái Nguyên

### TÓM TẮT

Rabindranath Tagore (1861 - 1941) là hiện tượng kiệt xuất của văn học Ấn Độ thế kỉ XX. Thơ trữ tình - tình yêu là phần tiêu biểu nhất trong sự nghiệp thơ ca của ông. Tập *Tâm tình hiến dâng* được chính Tagore dịch từ tiếng Bengal sang tiếng Anh là tập thơ mà nhà thơ đã dồn hết sinh lực và tình cảm của cả đời mình để cất lên thành những lời ca. Hình tượng *con người hoà hợp, con người tự do, con người vị tha* trong mỗi bài thơ chính là sự hoá thân của người tình Tagore muốn gửi đến độc giả những triết lý nhân sinh sâu sắc về cuộc đời và con người.

**Từ khoá:** *thơ trữ tình - tình yêu, quan niệm nghệ thuật, con người, cuộc đời, tình yêu*

Quan niệm nghệ thuật là một yếu tố đóng vai trò quan trọng, chi phối hành trình sáng tạo nghệ thuật của nhà văn. Bởi một thế giới nghệ thuật chân chính bao giờ cũng được tạo dựng trên cơ sở một hệ thống những quan niệm riêng của nhà văn, dù nó được phát biểu trực tiếp hay gián tiếp. "*Quan niệm nghệ thuật thể hiện cái giới hạn tối đa trong cách hiểu thế giới và con người của một hệ thống nghệ thuật, thể hiện khả năng, phạm vi, mức độ chiếm lĩnh đời sống của nó. Quan niệm nghệ thuật về thế giới và con người thể hiện ở điểm nhìn nghệ thuật, ở chủ đề cảm nhận đời sống được hiểu như những hằng số tâm lí của chủ thể, ở kiểu nhân vật và biến cố mà tác tác phẩm cung cấp, ở cách xử lí các biến cố và quan hệ nhân vật*"[4,273]. Không có một quan niệm nghệ thuật riêng, một cách nhìn riêng đối với đời sống, không thể sáng tạo những hình tượng độc đáo. Đúng như phát biểu của nhà nghiên cứu Trần Đình Sử: "*Quan niệm nghệ thuật là khái niệm lí luận quan trọng bậc nhất trong mấy thập niên qua, có ý nghĩa trả về cho văn học bản chất nhân học*"[6,119]. "*Đó là ý thức hệ nhân bản mà mục đích là khám phá ngày càng sâu sắc con người như nó tự cảm thấy trong tự nhiên, xã hội và lịch sử với tất cả sự phong phú, tinh tế*"[5,130].

Rabindranath Tagore là một tác gia lớn của văn học Ấn Độ và thế giới, việc tìm hiểu quan

niệm nghệ thuật của Tagore về con người qua tập thơ *Tâm tình hiến dâng* là một việc làm cần thiết, có ý nghĩa quan trọng để khám phá và lí giải sâu sắc hơn thế giới thơ trữ tình - tình yêu phong phú, đa dạng của nhà thơ.

Không ít nhà văn, nhà phê bình phương Tây đã cho rằng: thơ Tagore là thơ thần bí, thơ tôn giáo... Tuy nhiên, trong bức thư gửi nữ văn sĩ người Đức Andre Kapolitx Hongman, Tagore đã khẳng định rõ quan điểm của mình: "*Tôi không thuộc tôn giáo nào cả, mà chẳng nghiêng về đức tin đặc biệt nào cả. Có điều khi Thượng đế sinh ra tôi thì Người đã biến Người thành tôi rồi. Ngày ngày Người triển khai con người tôi trong cuộc sống và nâng niu con người tôi với nhiều sinh lực và vẻ đẹp khác nhau trong thế giới này. Chính sự kiện tôi hiện hữu đã mang trong nó niềm yêu thương vĩnh cửu rồi*".

Năm 1931, Tagore viết *Tôn giáo của con người* (*The Religion of man*). Tác phẩm trình bày một hệ thống những quan niệm thâm đậm chất nhân văn của nhà thơ về con người, đồng thời xác nhận mối liên thông giữa con người với thế giới tự nhiên. Con người đối với Tagore là một bản thể đáng tôn thờ, là Chúa đời mang trong mình vẻ đẹp toàn bích. Nhà thơ đưa ra triết lí sâu thẳm về bản chất con người và triết lí ấy đã trở thành nền tảng tư tưởng của cả đời ông: "*Tôi có một lòng tin mạnh mẽ vào con người, lòng tin đó cũng như mặt trời, chỉ có thể bị mây che chứ không bao giờ bị tắt*"[7,49].

\* Tel: 0977 791986, Email: van\_huyen\_86@yahoo.com



Cùng với việc đề cao con người, Tagore khẳng định tính tích cực, chủ động của con người trong tương quan với vũ trụ, với cuộc đời. Trong thư gửi Giáo sư G.Murray, ông viết: "*Chúng ta hãy làm hết sức mình để chứng tỏ rằng con người không phải là sai lầm lớn nhất của tạo hoá*"[2, 122]. Bởi đối với Tagore, con người là chuẩn mực của mọi cái đẹp trên đời: "*Con người là vĩ đại, là ánh sáng thiêng liêng, là lòng khoan hồng rộng mở, là tâm hồn thanh thản, là tình yêu, là kẻ thù của kiêu ngạo và hận thù*"[3, 25].

Có thể nói Tagore đã phải trải qua một hành trình tư tưởng khá dài để kiếm tìm, chọn lựa, để xác định một niềm tin vững chắc và đưa ra những quan niệm chuẩn mực về khái niệm *Con người*. Hình tượng *con người hoà hợp*, *con người tự do*, *con người vị tha* trở thành hình tượng trung tâm trong nhiều thi phẩm của nhà thơ.

### CON NGƯỜI HOÀ HỢP

Cảm nhận từ trong sâu thẳm tiềm thức những triết lí truyền thống về con người, Tagore có những đột phá trong sáng tạo hình tượng thơ. Với ước muốn vươn tới một *đại hoà điệu vũ trụ*, nhà thơ kiếm tìm sự hoà hợp giữa con người với thiên nhiên và vũ trụ bao la.

Tình yêu thiên nhiên, sự hoà hợp giữa con người với thiên nhiên vốn được đề cập đến nhiều trong văn hoá nhân loại. Trong văn hoá Nhật Bản, thiên nhiên có vai trò đặc biệt quan trọng, thiên nhiên được coi là Thần (Kami). Còn trong văn hoá Ấn Độ, thiên nhiên được nhân hoá thành người bạn tâm tình, sẵn sàng đồng cảm, chia sẻ buồn vui với cuộc sống con người.

Thơ trữ tình Ấn Độ miêu tả thiên nhiên là không gian tinh khiết. Ở đó, tâm hồn con người hướng đến sự hoà hợp; mọi dục vọng xấu xa, thấp hèn của thói vị kỉ không còn chỗ ẩn náu mà bị phơi bày, triệt tiêu.

Kế thừa quan niệm truyền thống ấy, thiên nhiên hiện diện trong thơ Tagore như một người bạn đời, gắn bó thân thiết với con người. Tâm hồn nhạy cảm của Tagore đã cảm nhận được vẻ đẹp đặc biệt này của thiên nhiên và ông cho đó là một điểm phúc: "*Thật là một*

*điểm phúc cho tôi là khi nào cũng ý thức được các sự kiện của thế giới quanh mình. Rằng mây là mây, hoa là hoa, thế là đủ vì chúng trực tiếp ngò lời với tôi, vì tôi không thể hờ hững với chúng*"[7,37]. Có thể nói, những bài thơ trữ tình trong tập *Tâm tình hiến dâng* của Tagore thể hiện một cảm thức sâu xa về vẻ đẹp và sự giao hoà giữa thiên nhiên và con người. Nhà thơ diễn tả xác thực các biến thái tâm trạng của cái tôi trữ tình và nhân vật trữ tình qua sự chuyển biến tinh tế của các hiện tượng tự nhiên. Thiên nhiên và con người được đặt trong sự thống nhất hoà đồng, bởi chỉ khi đó con người mới thoát được mọi ràng buộc và khổ đau, khám phá trọn vẹn ý nghĩa của thế giới hữu hạn nơi mình sinh ra và tồn tại: "*Đối với chúng tôi, điều cần thiết là phải hoà đồng với thiên nhiên ấy, con người sở dĩ sử dụng được các hiện tượng tự nhiên theo ý mình, chính chỉ vì sức mạnh của mình phù hợp với sức mạnh của vũ trụ*"[7,201].

Trong bài số 74, Tagore nói về sự hoà hợp cao cả giữa cái bình thường và cái vĩ đại của vạn vật trong vũ trụ: "*Trong thánh đường vũ trụ bao la lá cỏ đơn thuần nằm với ánh mặt trời và các vì sao đêm trên cùng tầm thẳm*". Theo Tagore, các hiện tượng thiên nhiên phải luôn được tồn tại bình đẳng, không phân biệt cao quý hay hèn hạ, không có sự ám chỉ hay khinh miệt khi gọi tên chúng. Bởi thế cho nên, là một thực thể của vũ trụ con người cũng phải luôn hài hoà, bình đẳng với cộng đồng.

Vấn đề này còn được Tagore tiếp tục đặt ra trong bài số 79. Nhà thơ băn khoăn tự hỏi: "*giữa loài người và loài vật - có trái tim mà không biết nói - biên giới phân cách nằm ở nơi nào?*" và ông đã tìm được câu trả lời: "*Qua thiên đường sơ khai, vào một buổi sáng xa xôi, khi trời đất mới tạo dựng, tâm hồn người và vật đã kiếm tìm lối đi đơn thuần để giao tiếp cùng nhau*".

Hình ảnh "*một con trâu to lớn, mình lấm đầy bùn đứng nấp gần bờ sông, hai mắt ngóng chờ kiên nhẫn, thanh thản, và một thiếu niên, dầm chân dưới nước, gọi trâu xuống tắm dưới dòng*" mà Tagore phát hiện ra trong bài số 78 cũng là một minh chứng khẳng định sự hoà



hợp giữa thiên nhiên và con người là có thật và cần thiết. Sự hoà hợp đó đã làm nên một bức tranh đời sống giản dị mà rất đời thực, đem lại cho nhà thơ những cảm xúc khác lạ: *"Tôi mỉm cười thích thú, một cảm giác êm dịu nhẹ lướt trong lòng"*.

Tuy nhiên, sự hoà hợp giữa thiên nhiên và con người thường tìm thấy ý nghĩa trọn vẹn của nó trong tình yêu. Bởi *"Tình yêu là cái hạnh phúc lớn nhất mà con người có thể đạt đến"*[7,13], nhờ tình yêu con người có thể hoà đồng với muôn người, với thiên nhiên. Trong tập *Những con chim bay lạc*, Tagore khẳng định: *"Rằng tôi tin ở tình yêu của Con Người./ Đó là lời nói cuối cùng của tôi"* (Bài số 325).

Còn trong tập *Tâm tình hiến dâng*, Tagore đóng vai một người tình say đắm, luôn khao khát tìm kiếm sự hoà hợp trong tâm hồn giữa hai trái tim cùng chung nhịp đập: *"Đôi mắt em hỏi han trông băn khoăn u buồn; mắt ấy muốn tìm hiểu ý nghĩa của lời tôi như mặt trăng muốn đo lường đáy biển"* (Bài số 28).

Nhà thơ đưa ra một so sánh thú vị: Trăng muôn đời vẫn muốn soi sáng để đo lòng biển nông sâu cũng như con người luôn muốn tận hiểu tình yêu mà người tình dành cho mình bởi tâm hồn tình nhân vốn chất chứa biết bao điều kì diệu: *"Em là mây chiều lững lờ trôi trên bầu trời mộng ước của tôi. Đem tình yêu thềm khát, tôi hằng vẽ, hằng tạo ra em"* (Bài số 30).

Có những khi người tình trong thơ Tagore hiện lên với những khát khao yêu thương mãnh liệt, muốn thoả mãn đến tận cùng nhu cầu tình cảm hết sức vị kỉ của bản thân: *"Tôi cầm tay nàng và ghì chặt vào lồng ngực. Tôi cố ôm đầy trong tay mình dáng vẻ yêu kiều. Tôi muốn dùng những cái hôn đợt lấy nụ cười tươi mát của nàng. Tôi cố uống cạn bằng mắt mình ánh mắt u huyền của em"* (Bài số 49).

Nhưng tình yêu chỉ tồn tại khi người ta yêu nhau bằng tâm hồn rung động thực sự. Những dục vọng, nhục cảm không bao giờ có được tình yêu: *"Tôi cố nắm chặt trong tay vẻ đẹp; vẻ đẹp thoát tuột chỉ để lại thân xác không hồn./ Rã rời, lụn nhụy, tôi hồi tỉnh. /Làm sao thân xác sờ nắm được đoá hao chi riêng tinh thần tiếp xúc nói?"* (Bài số 49). Vậy nên,

Tagore khuyên tình nhân: tình yêu xuất phát từ tâm hồn nên cũng cần được duy trì bởi hai tâm hồn đồng điệu. Đừng cố nắm giữ cái không thuộc về mình.

Người đọc bao đời yêu thơ Tagore phải chăng vì những vần thơ ấy đã nói hộ tiếng lòng của mỗi người trong cuộc hành trình kiếm tìm sự hoà hợp trong tâm hồn, hoà hợp với cuộc đời.

#### CON NGƯỜI TỰ DO

Đồng hành với những con người thấp cổ bé họng, vốn chịu nhiều áp bức, bất công trong cuộc đấu tranh bảo vệ công lý và phẩm giá làm người, Tagore ý thức rất rõ vai trò và vị trí của họ. Phải chăng đó chính là dấu hiệu của sự thức tỉnh dân tộc trong những sáng tác của Tagore?

Có thể nói, hình ảnh những con người nhỏ bé này đã thực sự lớn dậy thành con người mới, mang tầm vóc lớn lao trong những thi phẩm của Tagore. Tự do mà họ kiếm tìm không phải ở cõi Niết Bàn xa xôi mà là tự do ở ngay trên mặt đất vẫn đầy cực nhọc. Đi ngược lại với quan niệm của các tôn giáo ở Ấn Độ lúc bấy giờ, Tagore chỉ ra rằng: tự do chỉ có thể có khi con người hoà mình vào biển lớn tình yêu, biết tự từ bỏ cái Ta, thói vị kỉ và sự ràng buộc của những giá trị vật chất tầm thường.

Trong tập *Tâm tình hiến dâng*, Tagore đã khắc hoạ thành công những con người tự do và những con người đi kiếm tìm tự do. Tự do là khi có được tình yêu thoát khỏi mọi ràng buộc, định kiến: *"Ôi, Tận Cùng Xa Nhất! Ôi, tiếng sáo tâm tình vọng từ Tận Cùng Xa Nhất! Tôi quên, tôi hằng quên rằng mọi của nhà đều khép kín trong căn nhà tôi sống cô đơn!"* (Bài số 5). Chôn tự do là là khoảng không gian rộng lớn, trong lành, thân thiện vẫn đang chờ đợi mỗi chúng ta ở cuối cuộc hành trình: *"Ở đấy mát lạnh và sâu thăm thẳm. Ở đấy âm u như giấc ngủ không mơ"* (Bài số 12).

Đem dâng cả cuộc đời cho người mình yêu cũng là tự do: *"Tôi đã lột trần đời mình từ đầu đến cuối để em rõ, để em hay, không đậy che, không giấu giếm"* (Bài số 28). Được sống trong những lo âu, phiền muộn, dẫu dáng của tình yêu cũng là tự do: *"Tôi về nhà trong"*



*đêm, không còn gì trong tay. Em đang đứng chờ trước cổng nhà tôi, mắt lo âu, thao thức, âm thầm. Như con chim nhò bên lèn, rụt rè, em sà vào lòng tôi với tình yêu sôi nổi. Vắng, thưa Thượng đế, tôi vẫn còn nhiều thứ chưa tiêu đến. Số phận chưa hề gạt lờng làm tôi mất cả”* (Bài số 72).

Tự do là tìm được sự bắt từ của mình trong tình yêu: *“Nếu khát vọng của tôi muốn lưu danh bắt từ sau khi lìa đời đến nay đã tan thành từng mảnh. Em hãy làm cho tôi bắt từ ngay trên thế gian này”* (Bài số 38). Tự do là thoát khỏi thứ tình yêu độc chiếm để hướng tới một tình yêu hoà hợp tự nhiên: *“Xin cho anh thoát khỏi ngòi tình quyền rũ và trả lại nguồn sống thanh xuân để rồi trao lại em trái tim vừa thoát ách ngục tù”* (Bài số 48).

Luận giải về tự do, Tagore kéo giấc mơ ảo ảnh của con người về với thực tại. Bởi tự do là tìm thấy thiên đường ở ngay cõi trần, ở trong trái tim con người. Tự do là trút bỏ mọi ràng buộc để sống với cái Tôi bản thể tự nhiên, để được sống chết trong tình yêu. Tuy nhiên, giải pháp giải phóng con người của Tagore mới chỉ dừng lại ở việc giải phóng bản chất tự nhiên là tình yêu và ý thiện và mới chỉ là tự do trong tinh thần, trong tư tưởng, gắn liền với việc mở mang trí tuệ, tu luyện tinh thần chứ chưa mang ý nghĩa đấu tranh thực tiễn. Phải đến năm 1930, sau chuyến thăm Liên bang Xô Viết, Tagore mới có sự thay đổi trong nhận thức về con người với tư cách là *“một tổng hoà các quan hệ xã hội”* (C.Mác), có khả năng hành động cải tạo xã hội. Vấn đề giải phóng con người khỏi sự áp bức xã hội bắt đầu thu hút được sự chú ý của ông. Nó đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong nhận thức của Tagore mà vào thời điểm *Tâm tình hiến dâng* ra đời chưa có được.

#### CON NGƯỜI VỊ THA

Tagore cho rằng: mỗi con người có thể trở nên tốt đẹp hơn tình trạng hiện tại của mình. Muốn vậy, con người phải biết kiềm chế những khao khát và thèm muốn, biết giữ danh dự trong mọi ngã đường của cuộc sống và biết chia sẻ lòng cảm thông với tất cả mọi người. Xuất phát từ quan niệm ấy, Tagore đã thực sự trở thành người nghệ sĩ ca hát về vẻ

đẹp vô cùng, vô tận của thế giới, về hạnh phúc của cuộc đời, về tình yêu, về niềm vui và nỗi khổ đau nhân thế. Chính trong thơ mình Tagore từng phát biểu: *“Thơ tôi làm với tình yêu của mình là một”* (Bài số 4 - Tặng vật).

Bài thơ mở đầu tập *Tâm tình hiến dâng* có thể xem như tuyên ngôn nghệ thuật của Tagore. Nhà thơ không muốn là một triết gia mà nguyện làm một người chăm sóc cho khu vườn tình yêu Ấn Độ tràn đầy hương sắc: *“Tôi sẽ từ bỏ việc đang làm, đem giáo gươm đã dùng vút vào cát bụi. Xin người đừng gửi tôi tới những Hoàng cung xa xôi, và cũng xin đừng bắt tôi dấn thân vào cuộc chiến chính nào khác nữa. Chỉ xin cho tôi làm kẻ chăm sóc vườn hoa”* (Bài số 1).

Cuộc đối thoại giữa Hoàng hậu và Tôi bộc lộ diễn ra khi đêm đã *“quá khuya”* và Tôi bộc chủ động tiếp kiến Hoàng hậu chỉ để xin một ân sủng: được *“làm kẻ chăm sóc vườn hoa”* bởi là kẻ chăm sóc vườn hoa đồng nghĩa với việc anh có thể chăm sóc, vun trồng cho mầm tình yêu nảy nở, đó cũng là hành động bộc lộ tình yêu của anh đối với cuộc đời. Cái tôi tâm linh của Tagore nhập thân vào lời của Tôi bộc trong những khát khao mãnh liệt được cống hiến, được dâng tặng cho đời những hương hoa mình thấu nhận được từ cuộc đời cực nhọc với tất cả tình yêu và niềm ngưỡng mộ.

Những bài thơ trong tập *Tâm tình hiến dâng* thực sự là những lời tâm sự chân thành của người cầm bút đầy ý thức trách nhiệm với nghề: *“Tôi để mắt nhìn liệu những trái tim trẻ đại lạc loài có gặp nhau chăng, liệu những đôi mắt hăm hở đang mong cầu giai điệu, giai điệu có đến đánh tan màn im lặng, rồi thay họ mà nói lên lời. Ai sẽ ở đó dệt những bài ca đắm đuối, nếu tôi cứ ngồi trên bờ cuộc đời trầm ngâm nghĩ đến sống chết ở thế giới bên kia?”* (Bài số 2).

Cùng với tâm niệm: *“Vương quốc của Thiên đường ở trên mặt đất này đây. Nơi nào mà ta thực tại hoá những tương quan thân ái với đồng loại, nơi không còn nghi kỵ và ngộ nhận”* [8,303], Tagore thực hiện một nỗ lực kéo con người từ hư vô trở về với thực tại: *“Không các bạn ơi, tôi sẽ chẳng bao giờ là*



*một người ăn sĩ dù các bạn có nói gì đi nữa. Tôi sẽ chẳng bao giờ là người ăn sĩ nếu nàng không ước thề cùng tôi". /Không các bạn ơi, tôi sẽ chẳng bao giờ rời bỏ bếp lửa, mái nhà ấm êm để ăn mình trong tịch mịch rừng xanh, nếu không có tiếng hờ vui cười vang âm trong bóng mát, nếu không có tà áo vàng nghệ phất phơ trong gió và nếu không có những tiếng thì thầm nhẹ làm cho tịch mịch rừng xanh sâu thẳm thêm hơn" (Bài số 43).*

Tagore hoá thân vào nhân vật người ăn sĩ. Nhà thơ hai lần sử dụng phủ định: "*không đâu*" và "*chẳng bao giờ*" nhưng là để khẳng định chắc chắn về quá trình tu luyện để đắc đạo đời. Ý tưởng mà Tagore thể hiện trong bài thơ chính là trạng thái bừng tỉnh, đón ngộ từ cõi thẳm sâu trong tâm linh của mỗi người trong cuộc hành trình kiếm tìm vị "*Chúa đời của mình*".

Không muốn là một triết nhân, cũng không muốn là ăn sĩ, Tagore muốn được là người của cuộc đời này, được sống giữa cuộc đời và sống giữa mọi người. Cái tôi tác giả đã hoá thân thành nhiều dạng thức khác nhau trong tập thơ *Tâm tình hiến dâng* để thể hiện khát khao được công hiến, khát khao hoà hợp với muôn triệu trái tim. Bởi vậy, trong bài thơ số 37, Tagore khẳng định: "*Tim tôi là của mọi người; tim tôi không phải của tôi dành riêng cho một ai*". Bằng sự chiêm nghiệm của chính bản thân cùng tấm lòng đồng cảm chân thành, nhà thơ đã nói hộ nỗi lòng của biết bao đôi lứa yêu nhau: "*Người em yêu của lòng tôi hãy bình tâm và giữ cho giây phút chia tay được êm đẹp mãi. /Đừng để giây phút ấy biến thành chết chóc mà thành hoàn hảo trọn vẹn. /Hãy để tình yêu tan vào kí ức và đau đớn chìm trong lời ca" (Bài số 61).*

Đoạn thơ với nhịp thơ chậm rãi, phù hợp với tâm trạng của nhân vật trữ tình. Mặc dù rất đau đớn nhưng nhân vật trữ tình trong bài thơ vẫn cố nén nỗi đau lại để nói với người mình yêu bằng những lời nhẹ nhàng, tha thiết nhất. Chàng trai hiểu được rằng tình yêu có hợp có tan, có lúc được sống hạnh phúc bên nhau nhưng cũng có lúc sẽ phải chia xa mãi mãi. Vì vậy, hãy để cho cuộc chia tay này diễn ra như là điểm kết thúc "trọn vẹn" của một tình

yêu, để rồi tình yêu trở thành những kỉ niệm "*êm đẹp*" nhất trong tâm hồn của mỗi người mỗi khi nhớ về nó. Đường như trái tim nhân hậu, đa sầu, đa cảm của Tagore đã hoà vào từng dòng thơ để ca ngợi về một tình yêu cao đẹp trong khung cảnh chia tay thật nhẹ nhàng, xúc động: "*Tôi cúi đầu, tay giờ cao đèn soi sáng bước em đi" (Bài số 61).* Câu thơ vận động theo dòng cảm xúc. Những động từ đi liền nhau: "*cúi đầu*", "*tay giờ cao đèn*", "*soi sáng bước em đi*", biểu thị sự khiêm nhường, lịch thiệp của nhân vật trữ tình, đồng thời thể hiện tấm lòng nâng niu, trân trọng tình yêu của chính nhà thơ.

Đúng là khi yêu, người ta luôn mong muốn làm cho người yêu mình được hạnh phúc dù mình không phải là người mang đến niềm hạnh phúc ấy. Và dù trái tim này có đau đớn, vô vọng đến đâu thì cũng không bao giờ là người cản trở niềm vui, niềm hạnh phúc của người tình: "*Nếu em muốn, tôi sẽ ngừng tiếng hát. / Nếu lời tôi ca làm tim em rung động, tôi sẽ không nhìn em nữa. / Nếu lời tôi ca bỗng dựng làm em sững sốt trong lúc đang đi, tôi sẽ rẽ sang một bên và bước theo ngã khác. / Nếu lời tôi ca làm em bối rối trong lúc kết hoa, tôi sẽ tránh không vào vườn em vắng lặng. / Nếu lời tôi ca làm nước sông gợn sóng, đại ngàn, tôi sẽ thôi không chèo thuyền lại gần bờ phía bên em" (Bài số 47).*

Từ "*nếu*" đứng đầu mỗi câu thơ biến cả đoạn thơ thành hàng loạt những câu điều kiện với những hình ảnh có tính chất tượng trưng cao, thể hiện sự cao thượng của một tấm lòng biết cho và biết nhận. Hành động ấy là ánh sáng dẫn lối, chỉ đường cho con người sống đẹp hơn, ý nghĩa hơn trong cuộc đời này.

Vậy nên, Tagore đã khuyên tình nhân: "*Hãy đặt lòng tin vào tình yêu dấu tình yêu mang lại khổ đau. Chẳng nên khép lòng mình như thế" (Bài số 27).* Bởi hơn ai hết, nhà thơ hiểu được rằng chính niềm lạc quan, tin tưởng sẽ giúp con người vượt lên phía trước để kiếm tìm hạnh phúc mới: "*Tôi biết rằng cuộc đời này nếu không chín rộ trong tình yêu, cũng chưa phải mất đi tất cả" (Bài số 48 - Vượt đại dương).*



Có thể nói, những quan niệm của Tagore về cuộc sống, con người, về các vấn đề nhân sinh đã được nảy nở một cách tự nhiên qua dòng cảm xúc suy tưởng miên man, bất tận của nhà thơ với niềm khao khát được góp phần "nuôi dưỡng lòng tin sâu sắc của con người vào sự hoà hợp giữa bản thể của mình với tất cả những gì tồn tại" [1,45]. Chính điều đó làm cho những bài thơ trong *Tâm tình hiển dang* dù viết về hạnh phúc hay về những khổ đau, bất hạnh trong tình yêu, về giờ phút chia tay khi tình yêu tan vỡ vẫn không hề có giọng điệu than thở, buồn chán, tuyệt vọng mà trái lại luôn ánh lên ánh sáng của niềm lạc quan, hi vọng, đầy tin tưởng. Hình tượng con người hoà hợp, con người tự do, con người vị tha trong mỗi bài thơ chính là sự hoá thân của một người tình Tagore với trái tim và thiên tài kì diệu chỉ người tình mới có.

#### SUMMARY

#### THE ART CONCEPTION ABOUT PEOPLE OF RABINDRANATH TAGORE IN HIS LYRICAL LOVE POEMS

(Researched from *Tam tinh hien dang*)

Rabindranath Tagore (1861 - 1941) was a pre-eminent poet of Indian literature in the 20<sup>th</sup> century. Lyrical love poem were the best in his works. *Tam tinh hien dang* translated from Bengal into English by himself was the collection of poems was devoted by his all ability and love. The image of people in agreement, people in freedom and people with unselfishness in each of the poems was the turning of the lover Tagore who wanted to send the readers some profound philosophies about life and people.

**Key words:** *Lyrical love poem, art conception, people, life, love*

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phan Nhật Chiêu, Hoàng Hữu Đản (1991), *Tagore - Người tình cuộc đời*, Nxb Hội nhà văn, Tp HCM, tr.45.
- [2]. Xuân Diệu (1981), "Trong khi đọc người làm vườn tình ái", *Báo Văn nghệ*, số 2, tr.122.
- [3]. Cao Huy Đình (1961), *Ra-vin-đơ-ra-nat Tagore*, Nxb Văn Hóa, H, tr.25.
- [4]. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2000), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb ĐHQGHN, H, tr.273.
- [5]. Trần Đình Sử (1991), "Khái niệm quan niệm nghệ thuật trong nghiên cứu Văn học Xô Viết", *Tạp chí Văn Học*, số 4, tr.130.
- [6]. Trần Đình Sử (2000), *Lí luận và phê bình văn học*, Nxb Giáo dục, H, tr.119.
- [7]. R.Tagore, *Thực nghiệm tâm linh*, Như Hạnh dịch, Nxb Kinh Thi, Sài Gòn, 1969, tr.49, 37, 201, 13.
- [8]. Nhiều tác giả (1982), *Mười nhà thơ lớn thế kỉ* (phần R.Tagore), Nxb Tác phẩm mới, tr.303.

**Phạm Thị Vân Huyền\***  
College of Sciences - TNU

\* Tel: 0977 791986, Email: van\_huyen\_86@yahoo.com